

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH

Bản án số: 70/2025/DS-ST

Ngày 07-5-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tòng Quân.

2. Ông Nguyễn Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Thảo Vy là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Võ Lê Trúc Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 488/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thùy T, sinh năm 1970; nơi cư trú: Số H, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Bùi Thị Hoa M, sinh năm 1973; nơi cư trú: Khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. (văn bản uỷ quyền ngày 21/8/2024) (vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Lê Thị Túy P, sinh năm 1962 và ông Trần Văn T1, sinh năm 1963; nơi cư trú: Số E, hẻm E đường H, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Bùi Thị Hoa M trình bày:

Bà P và ông T1 là vợ chồng, bà P kinh doanh bán vải tại chợ H. Bà T và vợ chồng bà P là chỗ làm ăn quen biết, trong quá trình kinh doanh, vợ chồng bà P nhiều lần mượn tiền của bà T để xoay vốn và trả tiền đúng hạn. Ngày 11/6/2020 âm lịch (ngày 31/7/2020 dương lịch), vợ chồng bà P có mượn của bà T số tiền 250.000.000 đồng. Thời gian mượn là 02 tháng. Giấy mượn tiền do bà P viết, bà P và ông T1 ký tên, vay không có lãi.

Tuy nhiên, do ảnh hưởng dịch Covid-19 nên bà P xin hạn lại qua dịch trả nợ (không có thời gian cụ thể), bà T đồng ý. Đến ngày 15/12/2022 âm lịch (ngày 06/01/2023 dương lịch), bà P tiếp tục mượn bà T số tiền 50.000.000 đồng và hạn trong thời gian 03 tháng sẽ trả cả nợ cũ, nợ mới cho bà T. Giấy mượn tiền do bà P viết, bà P ký tên, vay không có lãi. Do vay nhiều lần nên chỉ bà P ký tên.

Như vậy, tính đến ngày 06/01/2023 (dương lịch), vợ chồng bà P nợ bà T số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng. Sau khi nhận tiền, vợ chồng bà P không giữ lời hứa, vẫn không trả tiền cho bà T. Bà T đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng bà P vẫn không trả tiền.

Vì vậy, bà T khởi kiện, bà T yêu cầu buộc bà P, ông T1 phải trả cho bà T số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng và trả lãi theo quy định pháp luật, tính từ ngày 06/01/2023 đến ngày tòa án xét xử.

Ngày 27/3/2025, bà M thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà T yêu cầu buộc bà P và ông T1 có nghĩa vụ liên đới phải trả cho bà T số tiền nợ gốc 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng và trả tiền lãi với mức lãi suất là 10%/năm kể từ ngày 07/4/2023 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Lê Thị Túy P, ông Trần Văn T1 đến để giải quyết vụ án nhưng bà P, ông T1 đều vắng mặt không rõ lý do cũng như không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà P và ông T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền là 362.490.000 (ba trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm chín mươi nghìn) đồng, trong đó: số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, tiền lãi là 62.490.000 đồng; về án phí: bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin vắng mặt; bà P và ông T1 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do, theo khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà T yêu cầu buộc bà P và ông T1 có nghĩa vụ liên đới phải trả cho bà T số tiền nợ gốc 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng và trả tiền lãi với mức lãi suất là 10%/năm kể từ ngày 07/4/2023 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án; bị đơn cư trú tại thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào giấy mượn tiền đề ngày 11/6/2020 AL (bút lục 53), giấy mượn tiền đề ngày 15/12/2022 AL (bút lục 52) và lời trình bày của bà M thấy rằng: ngày 11/6/2020 âm lịch (ngày 31/7/2020 dương lịch), bà P ông T1 có vay số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng của bà T, giấy nợ do bà P viết, bà P và ông T1 ký tên vào giấy nợ, thời hạn vay là 02 tháng; ngày 15/12/2022 âm lịch (ngày 06/01/2023 dương lịch), bà P vay thêm số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng của bà T, giấy nợ do bà P viết và ký tên vào giấy nợ, thời hạn vay là 03 tháng. Các giấy nợ đều không thể hiện mục đích vay và không thể hiện lãi nên đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi. Các bên giao kết các hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Đến hạn trả nợ (ngày 06/04/2023), bà P và ông T1 cũng không trả nợ cho bà T nên bà P và ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay. Bà P vay tiền của

bà T là trong thời kỳ hôn nhân, các giấy mượn tiền đều không thể hiện mục đích vay, có giấy nợ do bà P và ông T1 cùng xác lập, có giấy nợ chỉ do bà P xác lập nhưng số tiền vay của giấy nợ này là 50.000.000 đồng, là số tiền vay nhỏ, nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, do đó căn cứ Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, có căn cứ xác định đây đều là nợ chung của bà P và ông T1. Bà T yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 10%/năm tính từ ngày 07/4/2023 đến ngày xét xử là phù hợp khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do đó, căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà P và ông T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi trên số tiền vay gốc 300.000.000 đồng tính từ ngày 07/4/2023 đến ngày 07/5/2025 (là 02 năm 01 tháng) theo mức lãi suất 10%/năm, cụ thể là: số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng x 10%/năm x 02 năm + số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 01 tháng = 62.490.000 đồng. Vì vậy, bà P và ông T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền là 362.490.000 (ba trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm chín mươi nghìn) đồng.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn là người cao tuổi nhưng không làm đơn miễn án phí; do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 362.490.000 đồng x 5% = 18.124.500 đồng; nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thùy T đối với bà Lê Thị Túy P và ông Trần Văn T1.

Buộc bà Lê Thị Túy P và ông Trần Văn T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị Thùy T số tiền là 362.490.000 (ba trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm chín mươi nghìn) đồng, trong đó: số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, tiền lãi là 62.490.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Bà Lê Thị Túy P và ông Trần Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.124.500 (mười tám triệu một trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm) đồng.

Bà Võ Thị Thùy T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003474 ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thành phố Tây Ninh;
- Chi cục THADS thành phố Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thị Thanh Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Tòng Quân

Nguyễn Minh Hoàng

Lâm Thị Thanh Hằng